

ĐÀO TẠO NGHỀ ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI CHO LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Đỗ Thị Nga¹, Nguyễn Ngọc Châu²

Ngày nhận bài: 05/9/2023; Ngày phản biện thông qua: 13/12/2023; Ngày duyệt đăng: 15/12/2023

TÓM TẮT

Bài viết này đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó đề xuất giải pháp phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Bài viết sử dụng nguồn số liệu khảo sát từ 300 người lao động và 150 đơn vị sử dụng lao động để đánh giá thị trường lao động và kết quả đào tạo nghề. Kết quả chỉ ra rằng năng lực đào tạo nghề và cung lao động chưa bắt kịp theo yêu cầu của thị trường lao động; tỷ lệ người học được giải quyết việc làm sau đào tạo và tỷ lệ lao động đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng ở một số lĩnh vực còn thấp. Các giải pháp phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội bao gồm tăng cường khảo sát nhu cầu đào tạo nghề; đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất và đổi mới phương thức đào tạo; tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo nghề; truyền thông, nâng cao giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp.

Từ khóa: đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu, Đắk Lắk.

1. MỞ ĐẦU

Đào tạo (đào tạo) nghề là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học (Quốc hội, 2006). Đào tạo nghề là nội dung quan trọng của chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia, đòi hỏi phải có sự tham gia của Chính phủ, các bộ ngành, địa phương, các cơ sở dạy nghề theo nhu cầu thị trường lao động (Chính phủ, 2021). Trong bối cảnh cơ cấu nền kinh tế đang chuyển dịch mạnh mẽ, cùng với việc xuất hiện nhanh chóng các công nghệ mới, ngành nghề mới, công tác đào tạo nghề đòi hỏi không ngừng được đổi mới, đa dạng hóa các hình thức dạy và học để đáp ứng nhu cầu xã hội.

Đắk Lắk là tỉnh trung tâm của vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng an ninh của vùng. Quy mô kinh tế của tỉnh tăng nhanh trong 10 năm qua, với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 11%. Cơ cấu kinh tế đang dần chuyển dịch sang khu vực có giá trị tăng cao, tỉnh có tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ (Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2022). Quy mô lao động của tỉnh năm 2022 là 1.121,5 nghìn người, tốc độ tăng bình quân trong 10 năm qua là 1,37%, trong đó lao động nông thôn chiếm 77%; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo thấp (58%), trong đó lao động có văn bằng, chứng chỉ chiếm 20% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, 2022). Để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk, việc phát triển

và đổi mới đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết.

Mục tiêu của bài viết này là đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; trên cơ sở đó đề xuất giải pháp phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội ở địa phương trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Cục Thống kê, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm Dịch vụ việc làm Đắk Lắk và số liệu sơ cấp thông qua khảo sát 300 người lao động và 150 đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh được sử dụng để đánh giá thực trạng lao động, việc làm và kết quả đào tạo nghề cho lao động. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm số lượng và tỷ lệ lao động tuyển dụng theo ngành và theo trình độ, quy mô và tăng trưởng số lượng tuyển sinh và đào tạo nghề, tỷ lệ lao động được đào tạo là người đồng bào dân tộc thiểu số và nữ giới, tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo, mức thu nhập bình quân của người lao động, tỷ lệ lao động làm việc đúng chuyên môn được đào tạo, tỷ lệ lao động đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

3.1.1. Xác định nhu cầu đào tạo nghề

Kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng từ 150 đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2022, nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị là 2.011 người,

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Trường Cao đẳng Đắk Lắk;

Tác giả liên hệ: Đỗ Thị Nga; ĐT: 0914056482; Email: dothinga@ttn.edu.vn.

trong đó tập trung chủ yếu ở nhóm lao động phổ thông, chiếm 83,24%. Đối với lao động đã qua đào tạo, nhu cầu tuyển dụng xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp là trung cấp - cao đẳng - đại học - sơ cấp, ngắn hạn (Bảng 1). Nhu cầu tuyển dụng theo lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao nhất ở nhóm ngành nghề công nghiệp - xây dựng (chiếm 52,2%), tiếp theo là lĩnh vực dịch vụ (chiếm 30,88%), nhu cầu tuyển dụng còn lại thuộc về nhóm ngành nông -

lâm nghiệp và thủy sản. Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm các nghề sửa chữa máy nông nghiệp, sửa chữa ô tô, xe máy, may dân dụng và may công nghiệp, điện dân dụng, xây dựng dân dụng, cơ khí, hàn, cắt gọt kim loại; dịch vụ chế biến nông - lâm sản, dịch vụ nhà hàng, lái máy xúc và lái xe ô tô các hạng, chăm sóc da, trang điểm, bán hàng, bảo vệ, công nghệ thông tin, y tế.

Bảng 1. Cầu và cung lao động theo trình độ

Trình độ	Nhu cầu tuyển dụng (%)	Xếp theo thứ tự	Nhu cầu tìm kiếm việc làm (%)	Xếp theo thứ tự
Đại học	2	4	29	2
Cao đẳng	4	3	14	3
Trung cấp	10	2	9	4
Sơ cấp, ngắn hạn	1	5	9	4
Lao động phổ thông	83	1	38	1

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát đơn vị sử dụng lao động và người lao động.

Kết quả khảo sát cung lao động từ 300 lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, lượng lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm ở nhóm lao động phổ thông cũng cao nhất (chiếm 38%). Tuy vậy, xếp theo thứ tự nhu cầu tìm việc của người lao động đã qua đào tạo từ cao xuống thấp thì có sự khác biệt so với nhu cầu tuyển dụng, cụ thể thứ tự là đại học - cao đẳng - trung cấp - sơ cấp, ngắn hạn. Nhu cầu tìm kiếm việc làm theo lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao nhất lại ở nhóm ngành nghề dịch vụ (chiếm 59%), tiếp theo là lĩnh vực công nghiệp (chiếm 26%), còn lại là nhóm ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản. Có thể thấy rõ là cung lao động chưa thích ứng với nhu cầu tuyển dụng, về cả trình độ và lĩnh vực ngành nghề. Điều này đặt ra yêu cầu về chính sách quy hoạch đào tạo các bậc học và tư vấn hỗ trợ đào tạo đối với người lao động để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

3.1.2. Năng lực đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk có mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề nhiều nhất trong vùng Tây Nguyên. Toàn tỉnh Đắk Lắk có 68 cơ sở đào tạo nghề gồm 10 trường cao đẳng nghề, 08 trường trung cấp nghề, 46 trung tâm dạy nghề 04 cơ sở khác tham gia đào tạo nghề.

Ngành nghề đào tạo của các cơ sở tương đối đa dạng, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề của xã hội. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức đào tạo tổng số trên 50 nghề, trong đó tập trung vào một số nghề chính là dịch vụ và du lịch, công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, công nghệ kỹ

thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, công nghệ hóa học, vật liệu, công nghệ sản xuất, nông lâm nghiệp, thủy sản và công nghệ chế biến.

Giai đoạn 2010 - 2021, Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đầu tư cho cơ sở dạy nghề như Quyết định 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 630/QĐ-TTg, ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020; Quyết định số 761/QĐ-TTg, ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020”. Trong giai đoạn 2011 - 2021, kinh phí đầu tư cơ sở vật chất và phục vụ đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia (chiếm 81,47%) và nguồn kinh phí địa phương (chiếm 18,53%) (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, 2022). Tuy vậy, thực tiễn cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề và thực hành của hầu hết các cơ sở giáo dục còn lạc hậu, chưa theo kịp được xu hướng công nghệ của các đơn vị sử dụng lao động.

Bảng 2. Trình độ chuyên môn của giáo viên giảng dạy nghề tại các cơ sở dạy nghề tỉnh Đắk Lắk

Cơ sở dạy nghề	Số lượng giáo viên	Trình độ chuyên môn kỹ thuật			Trình độ khác
		Trên ĐH	ĐH, CĐ	THCN	
Trường dạy nghề (Cao đẳng, Trung cấp)	466	62	242	10	152
Trung tâm dạy nghề	356	0	185	57	114
Cơ sở khác có dạy nghề	232	16	186	7	23
Tổng số	1054	78	613	74	289

Nguồn: Phòng Dạy nghề - Sở LĐTBXH Đắk Lắk.

Về đội ngũ giảng viên, tổng số nhà giáo đang giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 1.054 người (Bảng 2), đều đã đạt chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, trong đó: giáo viên nữ 427 người, giáo viên là dân tộc thiểu số 47 người. Tổng số đội ngũ cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 85 người, trong đó: cán bộ quản lý nữ 14 người, cán bộ quản lý là người dân tộc thiểu số 08 người. Cơ cấu giáo viên theo bậc đào tạo: cao đẳng 40,99%, trung cấp 16,89%, trung tâm dạy nghề 42,13%, cơ sở khác 1,23%.

Về chất lượng đội ngũ, tỷ trọng viên chức trong các cơ sở đào tạo có trình độ sau đại học là 78 người, chiếm 7,4%; trình độ đại học, cao đẳng là 613 người chiếm 58,2%; trình độ trung cấp là 74 người chiếm 7%; thợ lành nghề và công nhân kỹ

thuật bậc cao là 289 người chiếm 27,4%.

3.1.3. Kết quả đào tạo nghề cho lao động ở tỉnh Đắk Lắk

Về kết quả tuyển sinh và đào tạo nghề (Bảng 3), giai đoạn 2016 - 2020, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tuyển sinh và đào tạo 166.244 người (tăng 41% so với giai đoạn 2011 - 2015), trong đó số người học là người dân tộc chiếm 20%, số người học là nữ chiếm 30%. Chia theo trình độ, đào tạo ngắn hạn (dưới 3 tháng) chiếm 48%, sơ cấp nghề chiếm 45%, trung cấp nghề chiếm 4% và cao đẳng nghề chiếm 3%. Năm 2021, do tác động của đại dịch COVID-19, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh tuyển sinh 22.542 học viên, đạt 60,1% kế hoạch năm.

Bảng 3. Kết quả tuyển sinh và đào tạo nghề của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2021

Đơn vị tính: Người

Trình độ	Giai đoạn 2011 - 2015			Giai đoạn 2016 - 2020			Năm 2021		
	Tổng số	Dân tộc	Nữ	Tổng số	Dân tộc	Nữ	Tổng số	Dân tộc	Nữ
CĐN	3.771	916	768	5.363	1.450	1.652	1.107	64	46
TCN	6.079	3.453	1.509	6.829	3.249	2.626	920	337	344
SCN	75.638	21.165	27.381	74.125	12.831	21.407	9.760	2.986	4.826
<3 tháng	32.452	5.242	6.721	79.927	16.404	24.029	10.755	2.348	3.998
Tổng số	117.940	30.776	36.379	166.244	33.934	49.714	22.542	5.735	9.214

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk và tính toán của tác giả

Về việc làm và thu nhập của người lao động được đào tạo sau khi tốt nghiệp, theo kết quả điều tra lần theo dấu vết học sinh tại các trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, tỷ lệ người học tốt nghiệp tìm được

việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp đạt từ 42,5 đến 44,4%. Mức lương bình quân của lao động được đào tạo tuy còn thấp, song có xu hướng tăng, từ 6 triệu năm 2019 lên 6,8 triệu năm 2021.

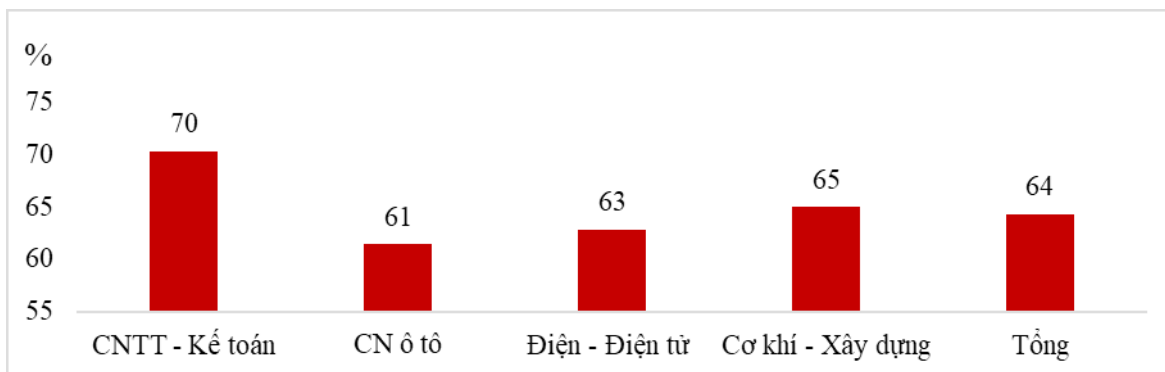
Bảng 4. Số lượng lao động có việc làm sau tốt nghiệp

Năm	Tỷ lệ lao động có việc làm sau tốt nghiệp (%)		Thu nhập bình quân (triệu đồng/tháng)
	Dưới 12 tháng	Trên 12 tháng	
2019	44,44	55,56	6,0
2020	44,30	55,70	6,2
2021	42,51	57,49	6,8

Nguồn: Số liệu khảo sát người lao động.

Về mức độ phù hợp của nghề đào tạo so với nhu cầu việc làm, trong những năm gần đây, tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành nghề được đào tạo ngày càng cao, điều này cho thấy việc đào tạo ngày càng gần với thực tế hơn, góp phần cải thiện chất lượng đào tạo. Tuy vậy, tỷ

lệ người học tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo không đồng đều giữa các nhóm ngành (Hình 1), cụ thể nhóm ngành công nghệ thông tin - kế toán tỷ lệ làm việc đúng ngành cao nhất, đạt 70%; nhóm ngành công nghệ ô tô có tỷ lệ thấp nhất, chỉ đạt 61%.

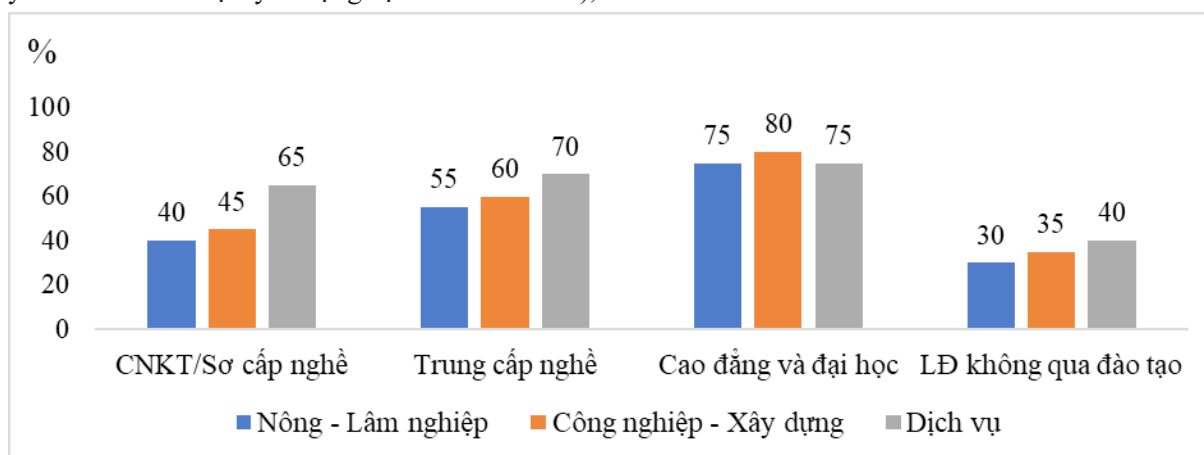


Hình 1. Tỷ lệ lao động làm việc đúng chuyên môn sau đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguồn: Số liệu khảo sát người lao động

Về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người được đào tạo, kết quả đánh giá của đơn vị sử dụng lao động, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở các bậc đào tạo đều có mức độ đáp ứng yêu cầu công việc cao hơn hẳn so với lao động chưa qua đào tạo (Hình 2). Xét theo bậc đào tạo, lao động có trình độ đào tạo cao đẳng và đại học có mức độ đáp ứng công việc cao nhất (tỷ lệ lao động đáp ứng yêu cầu của đơn vị tuyển dụng đạt từ 75 đến 80%),

thấp nhất là bậc đào tạo sơ cấp (tỷ lệ lao động đáp ứng yêu cầu của đơn vị tuyển dụng chỉ đạt từ 40 đến 65%). Xét theo ngành nghề, lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp có mức độ đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động thấp nhất và cao nhất ở lĩnh vực dịch vụ. Đối với lao động không đáp ứng yêu cầu công việc, các doanh nghiệp phải đào tạo lại, gây tốn kém về nguồn lực.



Hình 2. Đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của lao động

Nguồn: Số liệu khảo sát đơn vị sử dụng lao động

3.2. Một số giải pháp phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Từ kết quả đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua, có thể thấy năng lực đào tạo nghề và cung lao động chưa bắt kịp theo yêu cầu của thị trường lao động. Chất lượng và cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhất là lĩnh vực yêu cầu có

tay nghề cao. Tỷ lệ người học được giải quyết việc làm sau đào tạo và tỷ lệ lao động đáp ứng yêu cầu công việc ở một số lĩnh vực còn thấp. Nguyên nhân của những hạn chế này là do:

- Trang thiết bị thực hành của các cơ sở đào tạo nghề lạc hậu và thiếu đồng bộ; một số cơ sở công lập khai thác, sử dụng trang thiết bị chưa hết công năng.
- Nội dung chương trình đào tạo nghề thiếu tính

cập nhật, chưa bắt kịp được xu hướng phát triển của công nghệ, máy móc hiện đại.

- Sự gắn kết giữa các cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động chưa chặt chẽ.

- Nhận thức của các tầng lớp dân cư trong xã hội về việc chọn ngành nghề, chọn bậc đào tạo vẫn theo hướng coi trọng việc học đại học là con đường để lập nghiệp.

Để phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, các giải pháp đề xuất như sau:

Một là, tăng cường khảo sát nhu cầu đào tạo nghề để có căn cứ, cơ sở khoa học xây dựng chỉ tiêu đào tạo hàng năm của cả tỉnh và của từng địa phương. Nghiên cứu phát triển các ngành nghề đào tạo có thế mạnh của địa phương dựa trên khai thác các nguồn lực có sẵn. Làm tốt công tác dự báo nhu cầu đào tạo nghề đặc biệt các ngành nghề khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Xây dựng cơ chế phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và từ người tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Tăng cường gắn kết giữa các cơ sở đào tạo nghề và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp.

Hai là, đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo. Nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề; đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường ở những ngành, nghề phù hợp. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở đào tạo nghề, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng năng lực thực hiện, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin, phát triển mạnh phương thức học nghề tại nơi làm việc.

Ba là, tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo nghề. Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút các doanh nghiệp tham gia hoạt động đào tạo nghề. Phát huy vai trò của các đơn vị sử dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp trong đổi

mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm nhằm hỗ trợ cho người học tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Bốn là, truyền thông, nâng cao hình ảnh và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp. Hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề.

4. KẾT LUẬN

Tỉnh Đắk Lắk có 68 cơ sở đào tạo nghề gồm 10 trường cao đẳng nghề, 08 trường trung cấp nghề, 46 trung tâm dạy nghề 04 cơ sở khác tham gia đào tạo nghề. Ngành nghề đào tạo của các cơ sở tương đối đa dạng, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề của xã hội. Giai đoạn 2016 - 2020, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tuyển sinh và đào tạo 166.244 người (tăng 41% so với giai đoạn 2011 - 2015), trong đó đào tạo ngắn hạn chiếm 48%, sơ cấp nghề chiếm 45%, còn lại là trung cấp và cao đẳng nghề. Tỷ lệ người học tốt nghiệp tìm được việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp đạt trên 42%. Mức lương bình quân của lao động được đào tạo từ 6 triệu năm 2019 lên 6,8 triệu năm 2021. Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo không đồng đều giữa các nhóm ngành (cao nhất là nhóm ngành công nghệ thông tin - kế toán, đạt 70%; thấp nhất là nhóm ngành công nghệ ô tô, chỉ đạt 61%). Tỷ lệ lao động đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng đạt từ 40% đến 80% tùy thuộc vào ngành nghề và bậc đào tạo.

Để phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu cho lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, các giải pháp đề xuất bao gồm tăng cường khảo sát nhu cầu đào tạo nghề để có căn cứ, cơ sở khoa học xây dựng chỉ tiêu đào tạo hàng năm; đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo; tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo nghề; truyền thông, nâng cao hình ảnh và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp.

VOCATIONAL TRAINING TO MEET THE SOCIAL NEEDS OF LABOURERS IN DAK LAK PROVINCE

Do Thi Nga¹, Nguyen Ngoc Chau²

Received Date: 05/9/2023; Revised Date: 13/12/2023; Accepted for Publication: 15/12/2023

ABSTRACT

This paper evaluates the current status of vocational training for labourers in Dak Lak province. Therefore, it suggests some solutions to develop vocational training to meet social needs in the next few years. The paper used information from the survey of 300 labourers and 150 companies to evaluate the labour market and vocational training implementation outcomes. Results indicate that the training capability and labour supply have not met the labour market requirements; the rate of trained people getting jobs and workers meeting firms' conditions are still low. Some solutions to efficiently implement vocational training to meet social needs include: increasing the number of vocational training demand surveys, accelerating digital transformation, modernising facilities and renewing training methods, strengthening linkages with firms in vocational training, and communicating and enhancing social values of vocational education.

Keywords: vocational training, meeting needs social, Dak Lak.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chính phủ (2009). *Quyết định số 1956/QĐ - TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*, Hà Nội.
- Chính phủ (2012). *Quyết định 630/QĐ - TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011 -2020*, Hà Nội.
- Chính phủ (2021). *Ban hành chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2021 - 2030, Quyết định Số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021*.
- Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk (2022), *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk*.
- Quốc hội (2006). *Luật Dạy nghề số 76/2006/QH11 ngày 29/11/2006*, Hà Nội.
- Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014*, Hà Nội.
- Sở Lao động - Thương binh - Xã hội tỉnh Đắk Lắk (2020), *Báo cáo xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp 5 năm 2021 – 2025, Số 1553/BC-SLĐTBXH ngày 05/8/2020*
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2011). *Quyết định số 2001/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk Về việc phê duyệt Đề án phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề tỉnh Đắk Lắk đến 2015 và định hướng đến năm 2020*, Đắk Lắk.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2019). *Kế hoạch số 2471/KH-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030*.

¹Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

²Dak Lak College;

Corresponding author: Do Thi Nga; Tel: 0914056482; Email: dothinga@ttn.edu.vn.